| Use case ID |  |
| --- | --- |
| Use case name | Huỷ món |
| Description | Là 1 quản lý, tôi muốn huỷ món khi KH yêu cầu |
| Actors | Quản lý |
| Priority |  |
| Triggers | Quản lý thực hiện chức năng huỷ món |
| Pre-conditions | * Xác định lý do huỷ món * Xác định tình trạng món(đã làm/chưa làm) |
| Post-conditions | * Đơn hàng được cập nhật trạng thái "đã hủy" * Thông tin được lưu trong hệ thống |
| Main flow | 1. Quản lý nhận thông báo huỷ món 2. Quản lý kiểm tra tính trạng 3. Hệ thống hiển thị tình trạng đơn hàng 4. Phê duyệt yêu cầu huỷ đơn 5. Hệ thống Xác nhận thông tin 6. Hệ thống cập nhật trạng thái đơn thành “đã huỷ” 7. Hệ thống lưu trữ thông tin |
| Alternative flows | 4a2.1. Hoàn tiền  4a2.2. Thay đổi món  4a2.3. Miễn phí |
| Exception flows | 4a. Nếu món đã làm thì quản lí kiểm tra lý do huỷ món  4a1. Hệ thống hiển thị lí do huỷ món của khách hàng  4a2. Quản lý xác nhận và đề ra phương án |